



Công ty CP may Hữu Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---oOo---

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ

Thời gian tổ chức: 8h30 ngày 19 tháng 04 năm 2026

Địa điểm: Khách Sạn New World.

76 Lê Lai, phường Bến Thành, TpHCM



Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Tp Hồ Chí Minh ngày 19 tháng 04 năm 2026.

**QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ**

- Căn cứ vào điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần may Hữu Nghị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Hội đồng quản trị Công ty may Hữu Nghị kính trình Đại hội nội dung qui chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 như sau :

Điều 1. Mục tiêu

1. Hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đề ra và đạt được sự đồng thuận cao nhất của cổ đông.
2. Đảm bảo nguyên tắc làm việc công khai, công bằng dân chủ, đoàn kết.
3. Vì quyền lợi của cổ đông và đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của Công ty.

Điều 2. Trật tự của Đại hội

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội mặc trang phục chỉnh tề, lịch sự, xuất trình đầy đủ các giấy tờ tùy thân, thư mời họp và các giấy tờ liên quan đến việc xác minh tư cách đại biểu tại bàn tiếp đón.
2. Giữ trật tự và tư cách nghiêm túc trong giờ họp. Không hút thuốc lá, không nói chuyện ồn ào, không sử dụng điện thoại di động trong Hội trường (nếu có nhu cầu xin mời Quý cổ đông trao đổi bên ngoài Hội trường), giao tiếp hòa nhã, thân thiện.
3. Trong thời gian tham dự Hội Nghị đề nghị Quý Cổ Đông hạn chế đi lại và ngồi đúng vị trí.

Điều 3. Biểu quyết thông qua các vấn đề của Đại hội.

1. Nguyên tắc: theo yêu cầu của chủ toạ Đại hội cần lấy biểu quyết các vấn đề, Đại hội sẽ tiến hành biểu quyết công khai bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết do Ban tổ chức Đại hội phát ra. Thẻ biểu quyết có in tên, mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu.
2. Cách biểu quyết: với nội dung được yêu cầu biểu quyết, cổ đông thống nhất ý kiến hoặc không thống nhất ý kiến bằng cách giơ thẻ biểu quyết, cổ đông không giơ thẻ biểu quyết được xem như đồng ý nội dung cần biểu quyết.

Điều 4. Thảo luận nội dung họp và giải đáp thắc mắc.

Sau khi tiến hành xong các báo cáo được trình tại Đại hội, Chủ toạ Đại hội tiếp tục chủ trì phiên thảo luận, tiếp nhận ý kiến của các cổ đông và giải đáp thắc mắc theo nguyên tắc và cách thức sau:

1. Cổ đông tham dự Đại hội trực tiếp phát biểu đóng góp ý kiến với Đại hội.
2. Chủ toạ Đại hội chỉ trả lời trực tiếp các câu hỏi trọng tâm, các câu hỏi liên quan đến các nội dung trong chương trình Đại hội, mang tính chất đại diện cho nhiều cổ đông, không



trả lời trực tiếp và giải thích chi tiết các nội dung đã được công bố thông tin, đã được quy định trong pháp luật, các nội dung có tính chất giải thích chuyên môn, chi tiết mang tính chất phục vụ yêu cầu riêng biệt của cá nhân cổ đông.

3. Các câu hỏi thông tin riêng lẻ hoặc không liên quan trực tiếp đến nội dung Đại hội, sẽ được ban thư ký tập hợp và trả lời bằng văn bản hoặc thông tin trên website của công ty.
4. Các câu hỏi không kịp trả lời trong Đại hội do thời gian có hạn, cũng sẽ được trả lời bằng văn tới cổ đông.

Điều 5. Trách nhiệm của chủ tọa Đại hội

1. Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung của chương trình nghị sự, các quy chế, thể lệ đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa Đại hội làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
3. Giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình diễn ra Đại hội.

Điều 6. Trách nhiệm của Ban thẩm tra tư cách cổ đông, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu.

1. Ban thẩm tra tư cách cổ đông do ban Tổ chức Đại hội phân công, làm nhiệm vụ kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội và báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông.
2. Ban thư ký gồm 02 người do chủ tọa Đại hội giới thiệu, chịu trách nhiệm trước chủ tọa Đại hội và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình; ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến tại Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua kể cả các vấn đề còn bảo lưu tại Đại hội; ghi chép biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.
3. Ban kiểm phiếu gồm 03 người do Chủ tọa Đoàn giới thiệu và được Đại hội thông qua, nhiệm vụ kiểm tra và ghi nhận kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử tại Đại hội.

Trên đây là toàn bộ nội dung Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần may Hữu Nghị.

Kính trình Đại hội thông qua .

QUY CHẾ LÀM VIỆC NÀY CÓ HIỆU LỰC THỰC HIỆN NGAY SAU KHI ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA.

BAN TỔ CHỨC



CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Thời gian: Từ 8h30 đến 11h30 ngày 19 tháng 04 năm 2026

Địa điểm: Tại Khách Sạn New World.

Thành phần: Các cổ đông được mời theo danh sách chốt ngày 23 tháng 03 năm 2026.

Thời gian	Nội dung	Thời lượng
8h00 – 8h30	Đón tiếp và thẩm tra tư cách đại biểu.	30 phút
8h30 – 8h45	Báo cáo của Ban kiểm tra tư cách cổ đông, tuyên bố tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội.	15 phút
8h45 – 9h00	Khai mạc Đại hội - Tuyên bố lý do tổ chức Đại hội. - Giới thiệu đại biểu. - Thông qua quy chế làm việc của Đại hội (Biểu quyết). - Bầu đoàn chủ tịch (Biểu quyết)	15 phút
9h00 – 9h10	- Đoàn chủ tịch thông qua Ban thư ký. - Đoàn chủ tịch thông qua chương trình của Đại hội.	10 phút
9h10 – 10h10	- Thông qua báo cáo của Chủ tịch về kết quả thực hiện SXKD năm 2025 và KH SXKD năm 2026. - Báo cáo kết quả triển khai dự án mở rộng sản xuất tại xí nghiệp may 6. - Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025. - Thông qua báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2025 và KH năm 2026.	60 phút
10h10 – 10h30	Thông qua các tờ trình: - Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025. - Chi phí thù lao, hoạt động của hội đồng quản trị và ban kiểm soát năm 2025. - Thưởng lợi nhuận vượt kế hoạch cho HĐQT năm 2025. - Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026.	20 phút
10h30 – 10h45	Ban kiểm soát thông qua kết quả hoạt động năm 2025 và kế	15 phút



	hoạch năm 2026.	
10h45 – 10h50	Thông qua việc chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc năm 2026.	5 phút
Thời gian	Nội dung	Thời lượng
10h50 – 11h10	Thông qua biên bản Đại hội.	20 phút
11h30	Tuyên bố bế mạc.	

T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



HÀ VĂN DUYỆT

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

STT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ	CP sở hữu	CP ủy quyền	TC số CP	Tỷ lệ % VĐL
1	Hà Văn Duyệt	CT.HĐQT	2,618,174	605,906	3,224,080	13.56%
2	Hà Văn Nghĩa	UVHĐQT	1,293,468	1,499,870	2,793,338	11.75%
3	Hà Văn Long	UVHĐQT	1,217,772	25,410	1,243,182	5.23%
4	Dương Thanh Tùng	UVBKS	720,000	11,982	731,982	3.08%
5	Nguyễn Thị Hằng Nga	UVBKS	595,604	399,402	995,006	4.18%
6	Kiều Ngọc Mạnh Hùng	Cổ đông	1,276,554		1,276,554	5.37%
7	Phạm Đức Hà	Cổ đông	204,324		204,324	0.86%
8	Hà Hải Ninh	Cổ đông	662,248		662,248	2.79%
9	Vũ Thị Ngát	Cổ đông	252,816		252,816	1.06%
10	Lâm Văn Hiền	Cổ đông	13,504		13,504	0.06%
11	Viên Đức Thành	Cổ đông	1,762		1,762	0.01%
12	Hà Thị Liên	Cổ đông	100		100	0.00%
13	Hà Văn Toại	Cổ đông	15,410		15,410	0.06%
14	Nguyễn Duy Tuấn	Cổ đông	16,192		16,192	0.07%
15	Hoàng Quang Huy	Cổ đông	11,032			0.00%
16	Nguyễn Hải Trường	Cổ đông	600		600	0.00%
17	Bùi Quang Hoàn	Cổ đông	3,676	11,032	14,708	0.06%
18	Huỳnh Minh Tùng	Cổ đông	10,742			0.00%
19	Nguyễn Thị Thúy Ngân	Cổ đông	2,158			0.00%
20	Phạm Thị Tươi	Cổ đông	20,084			0.00%
21	Hà Thị Huyền	Cổ đông	9,372		9,372	0.04%
22	Trần Thị Tân	Cổ đông	52,618			0.00%
23	Hồ Sỹ Đức	Cổ đông	43,058		43,058	0.18%
24	Đỗ Văn Thuận	Cổ đông	91,250		91,250	0.38%



25	Lê Huy Hoàng	Cổ đông	132,174		132,174	0.56%
26	Lê Thị Hương	Cổ đông	60,822		60,822	0.26%
27	Hồ Thị Trinh	Cổ đông	100		100	0.00%
28	Thái Thị Thu Thành	Cổ đông	7,358		7,358	0.03%
29	Nguyễn Ngọc Bích	Cổ đông	20,790		20,790	0.09%
30	Nguyễn Thị Kim Thanh	Cổ đông	15,934		15,934	0.07%
31	Trần Thị Xuân Hiền	Cổ đông	10,962		10,962	0.05%
32	Trương Hồng Phúc	Cổ đông	9,824		9,824	0.04%
33	Bùi Phước Lợi	Cổ đông	98,000		98,000	0.41%
34	Đỗ Thị Kim Thanh	Cổ đông	982		982	0.00%
35	Trần Văn Khánh	Cổ đông	13,476		13,476	0.06%
36	Cái Thị Ngọc Tâm	Cổ đông	8,494		8,494	0.04%
37	Võ Văn Hờ	Cổ đông	573,332		573,332	2.41%
38	Nguyễn Đình Minh	Cổ đông	201,404			0.00%
39	Nguyễn Thùy Dương	Cổ đông	120,800			0.00%
40	Quách Đình Dương	Cổ đông	229,724		229,724	0.97%
41	Hoàng Thị Lệ	Cổ đông	738,370			0.00%
42	Mai Văn Thiên	Cổ đông	41,220		41,220	0.17%
43	Trần Nguyên Khang	Cổ đông	639,700			0.00%
44	Bùi Thị Xuân Lan	Cổ đông	245,912		245,912	1.03%
45	Phạm Trọng Huy	Cổ đông	12		12	0.00%
46	Phạm Thị Xuân Hiền	Cổ đông	24,546		24,546	0.10%
47	Phạm Thị Ngọc Minh	Cổ đông	24,546		24,546	0.10%
48	Phạm Chí Hiếu	Cổ đông	122,898		122,898	0.52%
49	Phạm Thị Như Hường	Cổ đông	3,336		3,336	0.01%
50	Phạm Văn Diễn	Cổ đông	177,914			0.00%
51	Phùng Thị Huệ Thu	Cổ đông	20,410			0.00%



52	Phan Hữu Phước	Cổ đông	61,466		61,466	0.26%
53	Phan Mỹ Nga	Cổ đông	61,466		61,466	0.26%
54	Phan Thông	Cổ đông	24,546		24,546	0.10%
55	Phan Thanh Sơn	Cổ đông	96,754		96,754	0.41%
56	Phan Thanh Liên	Cổ đông	61,466		61,466	0.26%
57	Uông Tiến Thịnh	Cổ đông	147,750		147,750	0.62%
58	Mai Hoàng Ân	Cổ đông	98		98	0.00%
59	Nhâm Thị Mai Phương	Cổ đông	24,546		24,546	0.10%
60	Nguyễn Thanh Thủy	Cổ đông	122,898		122,898	0.52%
61	Nguyễn Văn Hùng	Cổ đông	7,358		7,358	0.03%
62	Nguyễn Văn Thắng	Cổ đông	10		10	0.00%
63	Nguyễn Minh Giang	Cổ đông	39,344	26,938	66,282	0.28%
64	Nguyễn Thị Cười	Cổ đông	26,938			0.00%
65	Nguyễn Thị Bích Huyền	Cổ đông	38,016		38,016	0.16%
66	Nguyễn Thị Lệ Hồng	Cổ đông	84,424		84,424	0.36%
67	Nguyễn Thị Mỹ	Cổ đông	10,544		10,544	0.04%
68	Nguyễn Thị Muối	Cổ đông	27,506		27,506	0.12%
69	Nguyễn Thị Liên	Cổ đông	6,106		6,106	0.03%
70	Nguyễn Thị Minh Vân	Cổ đông	26,446		26,446	0.11%
71	Nguyễn Thế Kỳ	Cổ đông	34,564		34,564	0.15%
72	Nguyễn Thị Kim Loan	Cổ đông	21,384		21,384	0.09%
73	Nguyễn Thị Nữ	Cổ đông	1,930		1,930	0.01%
74	Nguyễn Thị Thúy Hà	Cổ đông	9,824			0.00%
75	Ngô Thanh Bình	Cổ đông	7,358		7,358	0.03%
76	Ngô Thị Bích Hồng	Cổ đông	7,472		7,472	0.03%
77	Trần Thị Anh Trà	Cổ đông	49,212		49,212	0.21%
78	Trần Văn Chiến	Cổ đông	27,442		27,442	0.12%



79	Trần Thị Hiền	Cổ đông	1,210		1,210	0.01%
80	Trần Thị Hoàng Yến	Cổ đông	1,210		1,210	0.01%
81	Trần Thị Lợi	Cổ đông	5,270		5,270	0.02%
82	Trần Văn Tuấn	Cổ đông	10,544		10,544	0.04%
83	Trần Văn Châu	Cổ đông	10,962		10,962	0.05%
84	Trần Văn Ngọc	Cổ đông	9,824		9,824	0.04%
85	Trương Thị Bích Chung	Cổ đông	9,064		9,064	0.04%
86	Lê Thị Ánh	Cổ đông	89,734		89,734	0.38%
87	Lê Thị Bích Thảo	Cổ đông	10,544		10,544	0.04%
88	Kỷ Thị Cẩm Hồng	Cổ đông	12,250		12,250	0.05%
89	Vũ Thị Huệ	Cổ đông	23,294		23,294	0.10%
90	Vũ Văn Duyết	Cổ đông	24,546		24,546	0.10%
91	Dương Thị Thúy Hằng	Cổ đông	452		452	0.00%
92	Dương Thị Kim Loan	Cổ đông	9,824		9,824	0.04%
93	Dương Thị Ngọc Mai	Cổ đông	18,626		18,626	0.08%
94	Đỗ Thị Thanh Hà	Cổ đông	33,198		33,198	0.14%
95	Đoàn Hoài Thương	Cổ đông	6,106		6,106	0.03%
96	Hoàng Trí Dũng	Cổ đông	10,544		10,544	0.04%
97	Huỳnh Thị Kim Phượng	Cổ đông	486		486	0.00%
98	Hà Thị Nguyệt	Cổ đông	4,816			0.00%
99	Trịnh Minh Tuấn	Cổ đông	8,494		8,494	0.04%
100	Nguyễn Văn Hào	Cổ đông	6,144		6,144	0.03%
101	Trần Mạnh Hà	Cổ đông	40,000		40,000	0.17%
102	Trần Thị Hồng	Cổ đông	26		26	0.00%
103	Trần Thị Kim Thanh	Cổ đông	33,044		33,044	0.14%
104	Trần Thị Lan Anh	Cổ đông	17,782		17,782	0.07%
105	Trần Thị Mỹ Phương	Cổ đông	13,770		13,770	0.06%



106	Trần Tử Vinh	Cổ đông	25,724		25,724	0.11%
107	Trần Thị Thìn	Cổ đông	16,692		16,692	0.07%
108	Tạ Anh Hằng	Cổ đông	2,766		2,766	0.01%
109	Trương Thị Sâm	Cổ đông	4,134		4,134	0.02%
110	Ngũ Huệ Mỹ	Cổ đông	3,100		3,100	0.01%
111	Nguyễn Văn Mạnh	Cổ đông	24,546		24,546	0.10%
112	Nguyễn Chính Tráng	Cổ đông	122,898		122,898	0.52%
113	Nguyễn Khắc Biểu	Cổ đông	54,612		54,612	0.23%
114	Nguyễn Phương Lan	Cổ đông	59,638		59,638	0.25%
115	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	Cổ đông	66		66	0.00%
116	Nguyễn Thị Lan	Cổ đông	61,466		61,466	0.26%
117	Nguyễn Đình Dũng	Cổ đông	154,922		154,922	0.65%
118	Nguyễn Thị Kim Xuyên	Cổ đông	6		6	0.00%
119	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Cổ đông	37,040		37,040	0.16%
120	Nguyễn Văn Tịnh	Cổ đông	417,648			0.00%
121	Nguyễn Văn Soạn	Cổ đông	45,582		45,582	0.19%
122	Nguyễn Thị Tươi	Cổ đông	21,930		21,930	0.09%
123	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Cổ đông	17,982		17,982	0.08%
124	Nguyễn Thị thanh Nhân	Cổ đông	5,270		5,270	0.02%
125	Nguyễn Ngọc Nga	Cổ đông	70,802		70,802	0.30%
126	Nguyễn Thị Huỳnh	Cổ đông	67,242		67,242	0.28%
127	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Cổ đông	138,148		138,148	0.58%
128	Nguyễn Thị Huỳnh Anh	Cổ đông	16,958		16,958	0.07%
129	Nguyễn Thị Thùy Linh	Cổ đông	8,494		8,494	0.04%
130	Ngô Văn Long	Cổ đông	6,106		6,106	0.03%
131	Ngô Thị Hồng	Cổ đông	18,960		18,960	0.08%
132	Lê Bích Hòa	Cổ đông	4,000		4,000	0.02%



133	Lê Thị Nga	Cổ đông	200		200	0.00%
134	Lê Tất Thắng	Cổ đông	184			0.00%
135	Lê Thị Liễu	Cổ đông	17,982		17,982	0.08%
136	Lê Ngọc Ánh	Cổ đông	10,544		10,544	0.04%
137	Lê Kim Ngọc	Cổ đông	21,778		21,778	0.09%
138	Lê Mai Trang	Cổ đông	8,494		8,494	0.04%
139	Lê Thị Tuyết	Cổ đông	7,936		7,936	0.03%
140	Lê Hữu Long Thái	Cổ đông	48		48	0.00%
141	Mạc Thị Nga	Cổ đông	31,148		31,148	0.13%
142	Phạm Minh Thương	Cổ đông	40,152		40,152	0.17%
143	Phạm Thị Hường	Cổ đông	2,258		2,258	0.01%
144	Vũ Thị Vui	Cổ đông	9,824		9,824	0.04%
145	Huỳnh Kim Tùng	Cổ đông	9,824		9,824	0.04%
146	Hùng Phi Oanh	Cổ đông	147,486		147,486	0.62%
147	Hồ Thị Bích Ngân	Cổ đông	66,398		66,398	0.28%
148	Hoàng Thị Thu Vân	Cổ đông	61,466		61,466	0.26%
149	Dương Thị Minh	Cổ đông	31,198		31,198	0.13%
150	Dương Thị Ngọc	Cổ đông	18,702		18,702	0.08%
151	Bùi Thị Tuyết	Cổ đông	26,708		26,708	0.11%
152	Bùi Thị Long	Cổ đông	17,982		17,982	0.08%
153	Đặng Vũ Chư	Cổ đông	122,898			0.00%
154	Đoàn Quốc Tuấn	Cổ đông	11,990		11,990	0.05%
155	Đào Thị Hương Giang	Cổ đông	200		200	0.00%
156	Đoàn Thị Bân	Cổ đông	21,130		21,130	0.09%
157	Đặng Thị Đào	Cổ đông	8,494		8,494	0.04%
158	Đặng Thị Thu Trúc	Cổ đông	6,406		6,406	0.03%
159	Đỗ Thị Kim Cúc	Cổ đông	48,374		48,374	0.20%



160	Bùi Minh Hải	Cổ đông	4,000		4,000	0.02%
161	Bùi Tiến Duy	Cổ đông	4		4	0.00%
162	Bạch Tấn Cường	Cổ đông	1,000		1,000	0.00%
163	Cao Văn Mạnh	Cổ đông	2		2	0.00%
164	Cà Thị Mạnh	Cổ đông	19		19	0.00%
165	Dur Mạnh Hà	Cổ đông	1,000			0.00%
166	Dương Công Nghĩa	Cổ đông	1,400		1,400	0.01%
167	Dương Muội Muối	Cổ đông	16		16	0.00%
168	Dương Thị Ngọc Thương	Cổ đông	11,900		11,900	0.05%
169	Hoàng Phạm Mạnh Tùng	Cổ đông	2		2	0.00%
170	Hoàng Thị Thanh Trúc	Cổ đông	1,000		1,000	0.00%
171	Hoàng Sơn Anh	Cổ đông	2,100		2,100	0.01%
172	Hoàng Thị Hương Hà	Cổ đông	2		2	0.00%
173	Huỳnh Quốc Đạt	Cổ đông	100		100	0.00%
174	Huỳnh Phú Quốc	Cổ đông	2,000			0.00%
175	Huỳnh Văn Bảo	Cổ đông	2,800		2,800	0.01%
176	Hứa Ngọc Sơn	Cổ đông	2		2	0.00%
177	Lê Phương Thảo	Cổ đông	15		15	0.00%
178	Lê Văn Sang	Cổ đông	20,000		20,000	0.08%
179	Lê Thị Nhi	Cổ đông	12		12	0.00%
180	Lê Thị Nhân	Cổ đông	2		2	0.00%
181	Lê Văn Nhân	Cổ đông	2		2	0.00%
182	Lê Minh Thúy	Cổ đông	22		22	0.00%
183	Lương Thị Thu Thủy	Cổ đông	8,466		8,466	0.04%
184	Lý Văn Vũ	Cổ đông	1,000		1,000	0.00%
185	Ngô Hoàng Nguyệt	Cổ đông	2		2	0.00%
186	Ngô Hoàng Thanh Hiền	Cổ đông	2		2	0.00%



187	Ngô Hoàng Thị Thùy Mỹ	Cổ đông	3		3	0.00%
188	Ngô Thị Phương Nguyên	Cổ đông	2		2	0.00%
189	Ngô Tuấn Quang	Cổ đông	100		100	0.00%
190	Nguyễn Thị Huê	Cổ đông	5		5	0.00%
191	Nguyễn Anh Tuấn	Cổ đông	10		10	0.00%
192	Nguyễn Bảo Quang	Cổ đông	20,000		20,000	0.08%
193	Nguyễn Kiên Anh	Cổ đông	1,000		1,000	0.00%
194	Nguyễn Thị Lam Anh	Cổ đông	700		700	0.00%
195	Nguyễn Văn Thanh Trọng	Cổ đông	1		1	0.00%
196	Nguyễn Đình Nhân	Cổ đông	46		46	0.00%
197	Nguyễn Diễm Kiều Giang	Cổ đông	2		2	0.00%
198	Nguyễn Hải Dương	Cổ đông	2		2	0.00%
199	Nguyễn Kính Hiền	Cổ đông	4		4	0.00%
200	Nguyễn Minh Danh	Cổ đông	73		73	0.00%
201	Nguyễn Ngọc Thùy Vân	Cổ đông	2		2	0.00%
202	Nguyễn Sinh Dũng Thắng	Cổ đông	1		1	0.00%
203	Nguyễn Siêu Mẫn	Cổ đông	1		1	0.00%
204	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Cổ đông	200		200	0.00%
205	Nguyễn Thị Kiều	Cổ đông	1,000		1,000	0.00%
206	Nguyễn Thị Minh Hiền	Cổ đông	4		4	0.00%
207	Nguyễn Thị Minh Đức	Cổ đông	4		4	0.00%
208	Nguyễn Thị Phương Dung	Cổ đông	2		2	0.00%
209	Nguyễn Tú Chì	Cổ đông	10,000		10,000	0.04%
210	Nguyễn Tường Linh	Cổ đông	2		2	0.00%
211	Nguyễn Tất Quyền	Cổ đông	2		2	0.00%
212	Nguyễn Văn Chính	Cổ đông	4		4	0.00%
213	Nguyễn Văn Phụng	Cổ đông	2		2	0.00%



214	Nguyễn Thanh Long	Cổ đông	25		25	0.00%
215	Nguyễn Xuân Trường	Cổ đông	1		1	0.00%
216	Phan Văn Sáu	Cổ đông	2		2	0.00%
217	Phạm Xuân Trình	Cổ đông	153,000		153,000	0.64%
218	Phạm Quốc Đại	Cổ đông	12,300		12,300	0.05%
219	Phùng Thị Phú	Cổ đông	4		4	0.00%
220	Phạm Thị Thế Hằng	Cổ đông	900		900	0.00%
221	Phạm Thị Thu Hà	Cổ đông	7,600		7,600	0.03%
222	Phạm Thị Hồng Xuân	Cổ đông	2		2	0.00%
223	Phạm Thị Kim Yến	Cổ đông	2		2	0.00%
224	Quách Thị Bé Tư	Cổ đông	4		4	0.00%
225	Tạ Hữu Doanh	Cổ đông	1,600		1,600	0.01%
226	Tô Thị Huyền	Cổ đông	200		200	0.00%
227	Tô Tấn Thọ	Cổ đông	1		1	0.00%
228	Từ Vĩ Huệ	Cổ đông	716		716	0.00%
229	Trần Ngọc Vân Khanh	Cổ đông	5,000		5,000	0.02%
230	Trần Thị Thùy	Cổ đông	3,000		3,000	0.01%
231	Trần Thị Thảo	Cổ đông	100		100	0.00%
232	Trần Thị Bích Thủy	Cổ đông	1,300		1,300	0.01%
233	Trần Thị Hiền-1	Cổ đông	1		1	0.00%
234	Trần Minh Vương	Cổ đông	1		1	0.00%
235	Trần Thị Thu Hằng	Cổ đông	19,000		19,000	0.08%
236	Trương Duy Hồng Yến	Cổ đông	40		40	0.00%
237	Trần Ngô Hữu Tài	Cổ đông	2		2	0.00%
238	Trần Việt Anh	Cổ đông	10		10	0.00%
239	Trương Thị Bích Huyền	Cổ đông	2		2	0.00%
240	Trương Văn Hải	Cổ đông	1		1	0.00%
241	Võ Ngọc Nhẫn	Cổ đông	2		2	0.00%
242	Vũ Mạnh Hùng	Cổ đông	80,800		80,800	0.34%



243	Vũ Hoàng Thanh	Cổ đông	600		600	0.00%
244	Vũ Thục Linh	Cổ đông	900		900	0.00%
245	Vũ Văn Đăng	Cổ đông	1		1	0.00%
246	Đặng Thái Hùng	Cổ đông	8		8	0.00%
247	Đặng Thanh Hà	Cổ đông	10		10	0.00%
248	Đoàn Thị San	Cổ đông	2		2	0.00%
249	Đoàn Trọng Phước	Cổ đông	2		2	0.00%
250	Đoàn Minh Hải	Cổ đông	100		100	0.00%
251	Đoàn Phúc Hiến	Cổ đông	1		1	0.00%
252	Đồng Văn Lập	Cổ đông	2,000		2,000	0.01%
253	Đỗ Thu Trang	Cổ đông	200		200	0.00%
254	Dennis Peter Eric	Cổ đông	173,200		173,200	0.73%
255	Krungthai Xspring Securities Company Limited	Cổ đông	1,000		1,000	0.00%
256	TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM	Cổ đông	6,953,392		6,953,392	29.24%
257	CỔ PHIẾU QUỸ	Cổ đông	1,100		1,100	0.00%
	TỔNG		23,778,900	2,580,540	23,778,900	100.00%

Ngày 13 tháng 04 năm 2026

CHỦ TỊCH HĐQT



HÀ VĂN DUYỆT



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Tp Hồ Chí Minh ngày 23 tháng 03 năm 2026.

Kính thưa:

- Đại hội cổ đông thường niên năm 2026.
- Quý vị cổ đông.

BÁO CÁO

THỰC HIỆN SXKD NĂM 2025

Và KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2026

Nội dung gồm:

- Thực hiện SXKD năm 2025.
- Kế hoạch SXKD năm 2026
- Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT và ban kiểm soát.
- Thông qua tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2025.

PHẦN 1: ĐÁNH GIÁ CHUNG

Cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine, tiếp theo là căng thẳng giữa Mỹ và Iran tại Trung Đông, dự báo cuộc chiến có khả năng dẫn đến Chiến tranh Thế giới thứ 3. Với tình hình này, việc ổn định Kinh tế và Chính trị là không thể.

Mỹ áp dụng chính sách thuế cao, làm cho nền kinh tế toàn cầu bị xáo trộn. Lạm phát gia tăng khiến nhiều doanh nghiệp phải tạm ngừng sản xuất hoặc phá sản.

Bối cảnh trong nước và Công ty:

- **Kinh tế nước ta:** Vẫn duy trì tốc độ phát triển với GDP tăng **8%**. Ngành dệt may đạt kim ngạch xuất khẩu **44 tỷ USD**, tăng **10%** so với năm 2024.



- **Kết quả Công ty:** Đối với đơn hàng FOB từ khách hàng truyền thống có **giảm 10 %**, và bù đắp bằng đơn hàng gia công để ổn định sản xuất. Kim ngạch xuất khẩu đạt **980,25 tỷ VNĐ**, tăng 3% so với kế hoạch 952 tỷ VNĐ.
- **Tình hình lao động:** Biến động mạnh so với năm 2024, chủ yếu do người lao động tìm công việc có thu nhập cao hơn.
 - Lao động đầu năm 2025: **2.609 người**
 - Tuyển mới trong năm: **846 người**
 - Nghỉ việc trong năm: **987 người**
 - Lao động cuối năm: **2.468 người**
- **Chuỗi cung ứng:** Nguồn cung cấp nguyên vật liệu chủ yếu từ Trung Quốc, không ổn định, chịu mức thuế cao, sản xuất thường ngưng trệ, chi phí cao, dẫn tới hiệu quả SXKD thấp hơn năm 2024.

PHẦN 2: THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NĂM 2025

I. Các chỉ tiêu đã được Công ty Kiểm toán xác nhận

Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %
A	B	1	2	3=1/2
Kim ngạch Xuất khẩu	USD	38.000.000	37.862.000	99,60%
Doanh thu	Tỷ VNĐ	952	980	103,00%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	40	118,57	296,40%



Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VND	32	93,75	293,00%
Lao động	Người	2.590	2.524	97,50%
Thu nhập bình quân	Triệu VND	10.384	10.545	101,60%
Chia cổ tức	%	10%	15%	150,00%
* Bằng tiền mặt	Tỷ VND	23,78	35,67	150,00%
Đầu tư Xây dựng	Tỷ VND	95	111,76	117,60%
* Xây lắp	Tỷ VND	75	88,28	117,71%
* Thiết bị	Tỷ VND	20	23,48	117,40%

II. Một số kết quả nổi bật

- **Tài chính:** Tình hình tài chính phát triển lành mạnh; nộp ngân sách đầy đủ, đúng hạn. Không có công nợ dầy dụa (kể cả lương, thưởng của người lao động).
- **Công tác đầu tư:** Đã hoàn thành và đưa vào sử dụng trong Quý 1/2026.
 - Giá trị công trình hoàn thành: 111,76 tỷ
 - Xây dựng: 88,28 tỷ vnd
 - Thiết bị: 23,48 tỷ vnd
- **Đánh giá từ khách hàng:**
 - Phát triển mẫu: **Tốt**
 - Giao hàng đúng hạn: **Tốt**
 - Chất lượng hệ thống: **Tốt**



- Trách nhiệm xã hội: **Khá**
- **Danh hiệu:**
 - Top 10 doanh nghiệp vì người lao động ngành Dệt may.
 - Top 10 Thương hiệu Châu Á năm 2025.
- **An ninh:** Tổ chức tốt quản lý trật tự an ninh, phòng cháy chữa cháy; không có sự cố nào xảy ra.

3/ Phương án phân phối lợi nhuận

Căn cứ Báo cáo quyết toán, Tài chính năm 2025 đã được công ty Kiểm toán NVA xác nhận:

- Lợi nhuận trước thuế: **118,57 Tỷ VND**
- Lợi nhuận sau thuế: **93,74 Tỷ VND**
- Lợi nhuận vượt kế hoạch: **61,75 Tỷ VND**

Phương án phân phối lợi nhuận như sau:

(Xem nội dung tờ trình)

- Tờ trình số 01/PPLN/2025: Phương án phân phối lợi nhuận.
- Tờ trình số 02/LNVKH/2025: Thương cho HĐQT.
- Tờ trình số 03/CPHĐQT/2025: Trích chi phí hoạt động cho HĐQT và BKS.

PHẦN 3: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

I. Nhận định chung

Năm 2026 là năm tiếp theo của năm 2025. Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội toàn cầu **chưa có thể ổn định** và hết những khó khăn như: Chiến tranh lan rộng, Mỹ áp dụng chính sách thuế **quá cao**. Và như vậy, tình hình kinh tế toàn cầu có nguy cơ đi xuống, lạm phát tăng cao, chi phí sẽ cao dẫn tới hiệu quả thấp.



Tình hình lao động dự báo có khả năng biến động giảm nhiều, vì doanh nghiệp không đáp ứng được mức thu nhập cao. Và xu hướng người lao động vẫn muốn chuyển ngành nghề khác hoặc đi nước ngoài, trong khi đó tuyển dụng công nhân mới để bổ sung số đã nghỉ và mở rộng sản xuất là không có.

II. Chỉ tiêu kế hoạch và biện pháp thực hiện kế hoạch năm 2026

1. **Mục tiêu:** Là duy trì được năng lực sản xuất năm 2025.

2. **Duy trì các thị trường xuất khẩu:**

- Xuất vào thị trường Mỹ: 60%
- Xuất vào thị trường Nhật: 20%
- Xuất vào các thị trường khác: 15%
- Xuất vào thị trường nội địa: 5%

3. **Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026:**

- Kim ngạch xuất khẩu: 38.000.000 USD
- Doanh thu bán hàng: 1.000 Tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 45 Tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 36 Tỷ đồng
- Lao động: 2.700 Người
- Thu nhập bình quân: 10.500.000 Đồng/người/tháng
- Chia cổ tức: 10% (Tương đương 23,77 Tỷ đồng tiền mặt)
- Đầu tư xây dựng: 15,3 Tỷ đồng (Sửa chữa lớn nhà xưởng và thiết bị)

III. Biện pháp thực hiện

- Tổ chức sắp xếp lại các xí nghiệp thành viên và các phòng ban Công ty (có tờ trình riêng).



- Chuẩn bị tìm kiếm khách hàng mới để cung cấp đủ cho năng lực cũ và mở rộng sản xuất ở xí nghiệp 6 Sa Đéc.
- Thường xuyên cập nhật tình hình SXKD, dự báo thị trường 3 tháng 1 lần để điều chỉnh kế hoạch SXKD cho phù hợp.
- Đẩy mạnh biện pháp tăng năng suất lao động để có doanh thu tăng, mức lương không thấp như hiện nay.
- Tổ chức lại cơ cấu quản lý Công ty. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT phê duyệt theo đề nghị của TGD.
- Bám sát hoạt động SXKD và xử lý các tình huống rủi ro phải hết sức năng động và phù hợp với pháp luật.
- Tăng cường biện pháp bảo vệ an ninh, an toàn phòng cháy chữa cháy toàn Công ty.
- Chuẩn bị hàng hóa, chăm lo Tết Bính Ngọ ở mức cho phép. Trong Tết và sau Tết không để thiếu việc làm.
- Hỗ trợ lương hàng tháng (ngoài mức lương theo quy chế) nếu còn nguồn.

PHẦN 4: HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BKS

I. Hoạt động của HĐQT

- Trong năm 2025, HĐQT đã làm tốt chức năng theo điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- Nội dung họp HĐQT đã ra các Nghị quyết trong từng thời điểm cho phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ. Ngoài ra, HĐQT thường xuyên theo dõi diễn biến thị trường, hoạt động SXKD để chỉ đạo Ban điều hành thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ.
- Lập kế hoạch tổ chức đoàn đi khảo sát, đàm phán, ký kết hợp đồng khi cần thiết.

II. Hoạt động của Ban Kiểm soát

- Ban Kiểm soát hoạt động theo chức năng, thời gian họp 1 quý 1 lần.



- HĐQT và BKS tự đánh giá là hoàn thành nhiệm vụ năm 2025, song vẫn còn những thiếu sót, mong các cổ đông tham gia góp ý để HĐQT và BKS khắc phục.
- Chi phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2025 (Xem nội dung tờ trình số 03/CPHQĐT/2025).
- Thưởng cho HĐQT và BKS khi lợi nhuận vượt kế hoạch (Xem tờ trình số 02/LNVKH/2025).

III. Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2026

- Tổ chức chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
- Định kỳ hàng quý họp 1 lần và bất thường để giải quyết công việc theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra.
- Tổ chức khảo sát nghiên cứu thị trường nước ngoài và trong nước theo định kỳ.
- Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ đề ra.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo kết quả SXKD năm 2025, Kế hoạch SXKD năm 2026 và đánh giá hoạt động của HĐQT, BKS, Ban điều hành Công ty.

Kính mong nhận được sự xem xét, thảo luận và biểu quyết của Đại hội. Thay mặt HĐQT và Ban điều hành Công ty, xin cảm ơn tất cả các quý cổ đông đã đóng góp, xây dựng để Công ty ngày càng phát triển bền vững.

Chủ tịch kiêm TGD



Hà Văn Duyệt

BÁO CÁO THỰC HIỆN NĂM 2025

TT	CHỈ TIÊU	Đvt	Năm 2025		Tỷ lệ so sánh	KH Năm 2026	Lưu ý
			Kế hoạch	Thực hiện			
a	b	c	1	2	3=2/1	4	5
I.	Kim ngạch xuất khẩu	(Usd)	38,000,000	37,862,005	99.6%	38,000,000	
1	Xuất FOB		28,000,000	29,277,076	104.6%	27,000,000	
2	Xuất gia công		10,000,000	8,584,928	85.8%	11,000,000	
II.	Doanh thu	(Tr đ)	952,000	980,253	103.0%	1,000,000	
1	Xuất FOB		700,000	755,867	108.0%	720,000	
2	Xuất gia công		250,000	223,087	89.2%	280,000	
3	Doanh thu khác		2,000	1,299	64.9%	-	
III.	Sản lượng nhập kho	(Usd)	15,703,858	15,790,743	100.6%	15,703,858	
1	Xí nghiệp 6		7,894,524	6,672,819	84.5%	8,349,000	KH tính thêm 03 chuyên PX56
2	Xí nghiệp 7		3,231,714	3,105,368	96.1%	3,036,000	
3	Xí nghiệp 45		5,500,000	6,012,556	109.3%	5,500,000	
IV.	Lợi nhuận	(Tr đ)					
1	Trước thuế		40,000	118,571	296.4%	45,000	
2	Sau thuế		32,000	93,735	292.9%	36,000	
V.	Cổ tức						
1	Tỷ lệ chia cổ tức	%	10	20	200.0%	10	
2	Cổ tức bằng tiền mặt	(Tr đ)	23,778	47,556	200.0%	23,778	
V.	Lao động	Người	2,590	2,524	97.5%	2,700	
1	Văn phòng công ty		130	133	102.3%	130	
2	Xí nghiệp 6		1,400	1,327	94.8%	1,510	
3	Xí nghiệp 7		560	543	97.0%	560	
4	Xí nghiệp 45		500	521	104.2%	500	
VI.	Thu nhập bình quân	Nghìn /người	10,384	10,545	101.6%	10,500	
1	Văn phòng công ty		17,249	16,627	96.4%	16,800	
2	Xí nghiệp 6		8,628	9,635	111.7%	9,200	
3	Xí nghiệp 7		8,904	11,282	126.7%	10,500	
4	Xí nghiệp 45		12,427	15,131	121.8%	12,800	
VII.	Đầu tư xây dựng (1-3)	(Tr đ)	95,000	111,761	117.6%	15,300	
1	Thiết bị đầu tư xí nghiệp		20,000	23,478	117.4%	15,300	
2	Văn phòng công ty		5,000	175	4%	-	
3	Nhà xưởng XN6		70,000	88,108	125.9%	-	

Ngày 10 tháng 02 năm 2026
 Tổng Giám Đốc

 Võ Văn Duyệt

**BÁO CÁO TÓM TẮT KẾT QUẢ SXKD 12 THÁNG NĂM 2025
VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2026**

S tt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2025			
			Kế hoạch cả năm	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ % TH/KH cả năm	KH Năm 2026
A	B	C	1	2	3=2/1	4
A	Tổng số lao động bình quân	người	2,590	2,529	97.64	2,700
B	Kết quả sản xuất kinh doanh					
1	Kim ngạch xuất khẩu giá thanh toán	usd	38,000,000	37,843,987	99.59	38,000,000
2	Tổng doanh thu	tr.đ	952,000	980,292	102.97	1,000,000
3	Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	40,000	118,571	296.43	45,000
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp ngân sách	tr.đ	8,000	24,836	310.45	9,000
5	Lợi nhuận sau thuế	tr.đ	32,000	93,735	292.92	36,000
6	Tổng lợi nhuận còn lại để trích các quỹ và chia cổ tức	tr.đ				
	_ Chi cổ tức	tr.đ	23,778	47,557	200.00	23,778
	Trong đó					
	_ Trích quỹ đầu tư phát triển	tr.đ	3,200	9,374	292.92	3,600
	_ Quỹ khen thưởng , Phúc lợi	tr.đ	3,200	9,374	292.92	3,600
7	Thu nhập bình quân (1000đ/người/tháng)		10,384	10,545	101.55	10,500
8	Tổng giá trị đầu tư TSCĐ	tr.đ	95,000	111,761	117.64	15,300
C	Chỉ tiêu tài chính					
I	Cơ cấu tài sản và nguồn vốn (Số cuối kỳ)					
1	Tổng tài sản	tr.đ	700,000	828,028	118.29	720,000
	_ Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	tr.đ	500,000	624,387	124.88	520,000
	_ Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	tr.đ	200,000	203,641	101.82	200,000
2	Tổng nguồn vốn	tr.đ	700,000	828,028	118.29	720,000
	_ Nợ phải trả	tr.đ	250,000	300,710	120.28	270,000
	Trong đó : vay dài hạn	tr.đ				
	_ Nguồn vốn chủ sở hữu	tr.đ	450,000	527,318	117.18	450,000
	Trong đó : Vốn đầu tư của chủ sở hữu (vốn ĐL)	tr.đ	237,789	237,789	100.00	237,789
II	Các chỉ tiêu tài chính					
1	Bố trí cơ cấu tài sản					
	- Tài sản dài hạn / tổng tài sản	%	28.57	24.59	86.08	27.78
	- Tài sản ngắn / tổng tài sản	%	71.43	75.41	105.57	72.22

2	Bố trí cơ cấu vốn					
	- Nợ phải trả / tổng nguồn vốn	%	35.71	36.32	101.69	37.50
3	Khả năng thanh toán					
	- Tổng tài sản lưu động / tổng nợ ngắn hạn	lần	2.00	2.08	103.82	1.93
4	Tỷ suất sinh lời					
	- Lợi nhuận trước thuế / vốn điều lệ	%	16.82	49.86	296.43	18.92
	- Lợi nhuận sau thuế / vốn điều lệ	%	13.46	39.42	292.92	15.14



Tổng Giám Đốc

Hà Văn Duyệt

TP,Hồ Chí Minh Ngày 26 Tháng 03 Năm 2026

TỜ TRÌNH

Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

Kính gửi : **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP MAY HỮU NGHỊ**

*Căn cứ vào điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cp may Hữu nghị

*Căn cứ vào nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025

*Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty CP may Hữu Nghị

Hội đồng quản trị dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 trình Đại hội cổ đông phê duyệt như sau:

I/PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2025

1. Tổng lợi nhuận trước thuế :	118.571.346.022 đ
2. Thuế TNDN phải nộp:	24.836.161.858 đ
3. Lợi nhuận sau thuế:	93.735.184.164 đ
Trong đó:Lợi nhuận vượt kế hoạch năm 2025:	61.735.184.164 đ
4. Lợi nhuận sau thuế được phân phối như sau:	
a. Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 10% LN sau thuế:	9.373.518.416 đ
b. Trích quỹ đầu tư phát triển 10% LN sau thuế:	9.373.518.416 đ
c. Trích thưởng cho HĐQT 3% lợi nhuận sau thuế vượt KH:	1.852.055.525 đ
5.Lợi nhuận còn lại	73.136.091.807 đ

II/CHIA CỔ TỨC

- a.Vốn điều lệ mới 237.789.000.000đ
- b.Chia cổ tức bằng tiền mặt 20% trên vốn điều lệ là 2.000đ/cổ phiếu
- c.Tổng số tiền chia cổ tức sau khi trừ cổ phiếu quỹ 1.100 cổ phiếu
(2.000đ/cổ phiếu x 23.777.800 cổ phiếu) = 47.555.600.000 đ

III/SỐ DƯ CHUYỂN NĂM SAU

Lợi nhuận sau thuế còn lại chuyển sang năm sau

$$73.136.091.807 đ - 47.555.600.000 đ = 25.580.491.807 đ$$

Trên đây là nội dung phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 của Công ty kính trình đại hội



Công ty CP may Hữu Nghị
Tờ trình số : 02 /LNVKH-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

TP, Hồ Chí Minh Ngày 26 Tháng 03 Năm 2026

TỜ TRÌNH

Đề nghị thưởng lợi nhuận vượt kế hoạch năm 2025 cho Hội Đồng Quản Trị

Kính gửi : **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP MAY HỮU NGHỊ**

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty CP may Hữu Nghị đã được kiểm toán đánh giá xác nhận.

Hội đồng quản trị dự kiến thưởng 3% lợi nhuận vượt kế hoạch năm 2025 cho Hội đồng quản trị trình Đại hội cổ đông phê duyệt như sau:

1. Tổng lợi nhuận trước thuế :	118.571.346.022 đ
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:	24.836.161.858 đ
3. Tổng lợi nhuận sau thuế :	93.735.184.164 đ

Trong đó:

a. Lợi nhuận trong kế hoạch sau thuế:	32.000.000.000 đ
b. Lợi nhuận vượt kế hoạch :	61.735.184.164 đ
4. Mức trích thưởng 3% lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch cho HĐQT:	1.852.055.525 đ

(61.735.184.164 đồng x 3%)

Trên đây là nội dung phương án thưởng lợi nhuận vượt kế hoạch năm 2025 của Hội đồng quản trị kính trình đại hội.

T/M Hội đồng quản trị

Chủ tịch HĐQT



Hà Văn Duyệt

Công ty CP may Hữu Nghị
Tờ trình số:03 /CP.HĐQT&BKS-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

TP,Hồ Chí Minh Ngày 26 Tháng 03 Năm 2026

TỜ TRÌNH

Chi phí thù lao, chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP MAY HỮU NGHỊ

*Căn cứ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

*Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty CP may Hữu Nghị đã được kiểm toán đánh giá xác nhận.

I-Hội đồng quản trị báo cáo chi phí hoạt động, chi phí thù lao cho HĐQT và BKS năm 2025 như sau:

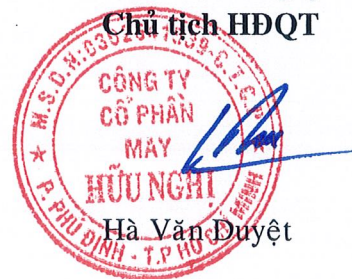
- | | |
|--|----------------------|
| 1. Tổng doanh thu năm 2025 : | 980.292.288.149 đồng |
| 2. Tổng lợi nhuận trước thuế : | 118.571.346.022 đồng |
| 3. Tổng chi phí | 861.720.942.127 đồng |
| 4. Chi phí hoạt động, thù lao cho HĐQT và BKS là 0,2% trên tổng chi phí
0,2% x 861.720.942.127 đồng = | 1.723.441.884 đồng |
| 5. Thực tế đã chi 31/12/2025: | 1.694.444.440 đồng |
| 6. Chi phí còn lại: | 28.997.444 đồng |

II- Hội đồng quản trị dự kiến mức chi phí hoạt động, chi phí thù lao cho HĐQT và BKS năm 2026 là 0,2% trên chi phí hợp lý hợp lệ

Trên đây là nội dung phương án chi phí thù lao, chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát kính trình đại hội.

T/M .Hội đồng quản trị

Chủ tịch HĐQT



Hà Văn Duyệt



TỜ TRÌNH

Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2026

TP Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2026.

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần may Hữu Nghị;

1. Các tiêu thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập:

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ Tài Chính, UBCK Nhà Nước chấp thuận thực hiện cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026 và có kinh nghiệm kiểm toán các đơn vị lợi ích công chúng tại Việt Nam;
- Có uy tín trong lĩnh vực kiểm toán và đội ngũ kiểm toán viên có trình độ chuyên môn tốt, nhiều kinh nghiệm lĩnh vực tương đồng với lĩnh vực hoạt động của công ty;
- Đáp ứng được nhu cầu về phạm vi kiểm toán, kế hoạch kiểm toán của công ty.
- Không có xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty.
- Có mức phí kiểm toán phù hợp với phạm vi kiểm toán và kế hoạch kiểm toán của công ty.

2. Đề xuất cụ thể về lựa chọn công ty kiểm toán độc lập

Căn cứ các tiêu chí trên, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các công ty kiểm toán để lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét báo cáo tài chính năm 2026 của công ty gồm:

- Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.
- Công ty TNHH Kiểm toán NVA

Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong hai công ty kiểm toán trong danh sách để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính năm 2026 của công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Dương Thanh Tùng

BÁO CÁO KIỂM SOÁT NĂM 2025
CÔNG TY CP MAY HỮU NGHỊ

Kính thưa đoàn chủ tịch đại hội đồng cổ đông.

Kính thưa các quý vị đại biểu.

Kính thưa quý cổ đông.

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP May Hữu Nghị;

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định trong quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty CP May Hữu Nghị;

Căn cứ luật kế toán, các quy định về chế độ tài chính kế toán hiện hành và các chuẩn mực kế toán Việt Nam;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025(đã kiểm toán) lập ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Công ty Cổ Phần May Hữu Nghị.

Ban kiểm soát đã thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát trên các lĩnh vực về hoạt động tài chính; sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty. Ban kiểm soát xin báo cáo như sau:

I. Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025:

Đơn vị tính : Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện 2025	So sánh	
				TH2025/2024	TH2025/KH2025
	1	2	3	4=3/1	5=3/2
1. Tổng doanh thu (tr. đ)	1.211.427	952.000	1.002.214	83%	105%
Doanh thu thuần	1.182.126		980.292	83%	
<i>Trong đó Doanh thu XN 5 :</i>					
Doanh thu hoạt động tài chính	26.176		21.253	81%	
Thu nhập khác	3.125		668	21%	
2. Chi phí (tr.đ)	1.077.685	912.000	883.642	82%	97%
Giá vốn hàng bán	983.758		806.980	82%	
Chi phí hoạt động tài chính	11.772		4.480	38%	
<i>trong đó: chi phí lãi vay</i>	<i>158</i>		<i>19</i>		
Chi phí bán hàng	22.779		14.249	63%	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	58.960		57.471	97%	
Chi phí khác	416		463	111%	
3. Lợi nhuận (tr. đ)	133.742	40.000	118.571	89%	296%
Lợi nhuận trước thuế	133.742	40.000	118.571	89%	
+ Lợi nhuận thuần từ HĐKD	131.033		118.366	90%	
+ Lợi nhuận khác	2.710		205	8%	
Lợi nhuận sau thuế	105.904		93.735	89%	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)					
4. Lao động và thu nhập					
Lao động bình quân (người)	2.521	2.590	2.524	102%	97%
Thu nhập B/Q (ngàn.đ/ng/tháng)	10.954	10.384	11.492	106%	111%

5. Phân tích tỷ lệ lợi nhuận – chi phí					
'- Tỷ suất lợi nhuận ST /Vốn ĐTCSH	23,48%		18,57%		
- Giá vốn/Doanh thu thuần	83,2%		82,3%		
- Chi phí hoạt động TC/DT thuần	1,00%		0,46%		
- Chi phí bán hàng/DT thuần	1,9%		1,5%		
- Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	5,0%		5,9%		

Nhận xét về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2025:

Trong các tháng đầu năm tình hình SXKD đối với ngành dệt may đã có nhiều khởi sắc, nhưng đối với công ty đơn hàng sản xuất so với cùng kỳ năm 2025 không ổn định, thời gian đặt hàng ngắn nhưng đơn giá vẫn thấp hơn so với kỳ vọng. Mặc dù tình hình thị trường có nhiều biến động khi Hoa Kỳ công bố mức thuế suất đối ứng với các nước, trong đó có Việt Nam, Cơ quan điều hành đã có sự chuẩn bị và giải pháp linh hoạt trong điều hành sản xuất, tìm kiếm đơn hàng để đạt vượt mức các chỉ tiêu năm 2025 do ĐHĐCĐ giao. Lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt 89% so với cùng kỳ (118.571 triệu đồng/133.742 triệu đồng), bằng 296% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ giao (118.571 triệu đồng/40.000 triệu đồng)

II. Tình hình tài chính năm 2025:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	01/01/2025	31/12/2025	So sánh chênh lệch	So sánh %/Tổng TS		
					%	01/01/2025	31/12/2025
A	B	1	2	3=2-1	4=2:1	5	6
A	TỔNG TÀI SẢN	758.726	828.029	69.303			
I	Tài sản ngắn hạn	620.029	624.388	4.359	101%	82%	75%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	323.365	335.399	12.034	104%		
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			-			
3	Các khoản phải thu ngắn hạn :	197.593	189.940	-7.653	96%		
	- Phải thu ngắn hạn khách hàng	179.628	162.393	-17.235	90%		
	- Các khoản phải thu khác	17.965	27.547	9.582	153%		
4	Hàng tồn kho :	64.718	54.573	-10.145	84%	9%	7%
5	Tài sản ngắn hạn khác :	34.353	44.476	10.123	129%		
	Trong đó : Thuế GTGT được khấu trừ	34.264	44.386	10.123	130%		
II	Tài sản dài hạn	138.697	203.641	64.944	147%	18%	25%
1	Tài sản cố định	94.334	174.787	80.452	185%		
2	Tài sản dở dang dài hạn	40.918	23.347	-17.571	57%		
3	Tài sản dài hạn khác:	3.445	5.507	2.063	160%		
B	TỔNG NGUỒN VỐN	758.726	828.030	69.304	109%		
1	Nợ ngắn hạn :	276.668	300.710	24.042	109%	36%	36%

	Tr đó : + Vay ngắn hạn tại ngân hàng:				-		
2	Nợ dài hạn :				-		
3	Vốn chủ sở hữu	482.057	527.319	45.262	109%	64%	64%
	Tr đó: + Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	237.789	237.789		-	100%	
	+ Cổ phiếu quỹ	-11	-11		-	100%	
	+ Quỹ đầu tư Phát triển:	108.439	165.870	57.431		153%	
	+ Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	29.936	29.936	(0)		100%	
	+ Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	105.904	93.735	-12.169		89%	
	CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH						
	Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	2,24	2,08				
	Khả năng thanh toán nhanh (lần)	2,01	1,89				
	Khả năng thanh toán tiền mặt (lần)	1,17	1,12				
	Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu (lần)	0,57	0,57				
	Tổng tài sản/Vốn CSH (lần)	1,57	1,57				

Nhận xét tình hình tài chính :

1. Tình hình quản lý công nợ, cân đối khả năng trả nợ:

Tình hình tài chính của Công ty đảm bảo an toàn, với chỉ số thanh toán nhanh là 2,08 lần và khả năng thanh toán nợ ngắn hạn là 1,89 lần, hệ số nợ / vốn chủ sở hữu là 0,57 lần <1 cho thấy doanh nghiệp đang sử dụng vốn chủ sở hữu làm nguồn tài trợ chính thay vì nợ vay, thể hiện sự an toàn tài chính cao, có khả năng tự chủ vốn đảm bảo thanh toán cho các khoản nợ ngắn hạn.

Công nợ phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2025 là:162,3 tỷ đồng, giảm 10% so với đầu năm, Công ty chưa có khoản phải thu của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi. Công nợ của Công ty được đánh giá và phân tích tuổi nợ đều là nợ luân chuyển.

2. Hàng hóa tồn kho:

Số dư hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2025 là 54.573 triệu đồng, giảm 16% so với đầu năm, chủ yếu là hàng luân chuyển trong sản xuất và hàng chờ xuất.

Trong đó:

- ✓ Nguyên liệu, vật liệu: 9.341 triệu đồng
- ✓ Công cụ, dụng cụ: 19 triệu đồng
- ✓ Chi phí sản xuất dở dang: 7.416 triệu đồng
- ✓ Thành phẩm: 36.209 triệu đồng
- ✓ Hàng gửi bán: 1.588 triệu đồng

3. Đầu tư xây dựng cơ bản:

Chi xây dựng cơ bản dở dang chưa hoàn thành trong kỳ là: 23.347 triệu đồng. Trong đó: 21.042 triệu đồng là chi phí mua căn nhà tại số 1 đường số 14 Khu 6A, Xã Bình Hưng, Huyện Bình chánh TP. HCM và 2.304 triệu đồng chi phí cải tạo mở rộng phân xưởng sản xuất 5 và 6 của xí nghiệp 6.

4. Đầu tư mua sắm TSCĐ và CCDC:

Trong kỳ Công ty đầu tư mua sắm MMTB, CCDC, thiết bị quản lý là: **113.559 triệu đồng**; Trong đó:

- ✓ Thiết bị , CCDC phục vụ cho văn phòng: **4.780 triệu đồng**
- ✓ Nhà cửa vật kiến trúc , MMTB,CCDC phục vụ SX đầu tư tại Xí nghiệp 6: **108.776 triệu đồng.**

5. Cơ cấu sử dụng tài sản:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại (GTCL)	Tỷ trọng %/GTCL	Tỷ lệ GTCL/NG
Nhà cửa, vật kiến trúc	175.044	123.658	74%	71%
Máy móc thiết bị	123.024	24.160	15%	20%
Phương tiện vận tải	30.337	16.132	10%	53%
Thiết bị quản lý	32.360	2.376	1%	7%
Tổng cộng	360.765	166.326	100%	46%
Máy móc thiết bị đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng	205.785	205.785	100%	

Nhận xét :

Cơ cấu sử dụng tài sản MMTB phục vụ cho hoạt động sản xuất cao hơn so với cùng kỳ do trong kỳ Công ty đã mua bổ sung thêm MMTB, tài sản là phương tiện vận tải phục vụ cho mở rộng sản xuất, chiếm 25%/ tổng GTCL của TSCĐ, MMTB cũ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn hoạt động tốt Công ty đang sử dụng nguyên giá tại ngày 31/12/2025 là 205,7 tỷ đồng.

Trong kỳ Công ty đầu tư dự án: cải tạo sửa chữa nhà xưởng của phân xưởng 5 và 6 - Xí nghiệp may 6 Đồng Tháp tại thời điểm 31/12/2025: là 108.775 triệu đồng (không bao gồm Vat). (Trong đó: Xây dựng nhà xưởng: 87.989 triệu đồng, Máy móc thiết bị : 20.786 triệu đồng.)

6. Lao động tiền lương:

- ✓ Tổng quỹ lương đã trích : 356.861 triệu đồng
- ✓ Tổng quỹ lương đã chi : 305.603 triệu đồng
- ✓ Tổng quỹ lương còn lại cuối kỳ : 114.151 triệu đồng

Quỹ tiền lương còn lại cuối kỳ là khoản tiền lương phải trả tháng 12, tiền lương tháng 13 và các khoản thưởng lễ tết cho người lao động. Chi phí tiền lương Công ty đã trích, đã chi phù hợp với quy chế tiền lương và các quy định hiện hành.

7. Chi tiết vốn chủ sở hữu:

- ✓ Vốn góp của Tập đoàn dệt may Việt Nam: 69.534 triệu đồng chiếm 29,2%/vốn chủ sở hữu
- ✓ Vốn góp của các cổ đông khác: 168.255 triệu đồng chiếm 70,8%/ vốn chủ sở hữu

8. Đánh giá báo cáo tài chính của Công ty:

Theo ý kiến của chúng tôi, số liệu trên báo cáo tài chính năm 2025 đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025. Sổ sách chứng từ kế toán được hạch toán phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, lưu trữ, khoa học và tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành của Nhà nước và của Công ty.

Việc tính trích khấu hao tài sản cố định, phân bổ chi phí, đảm bảo theo quy định của chế độ kế toán, luật quản lý thuế và các quy định của pháp luật.

III. Về tính trung thực và hợp lý của số liệu:

Ban kiểm soát xác nhận số liệu về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty CP may Hữu Nghị theo báo cáo của Công ty là phản ánh trung thực và hợp lý trên các nội dung chủ yếu về tình hình tài chính năm 2025. Báo cáo tài chính năm 2025, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các quy định hiện hành có liên quan.

Sổ sách chứng từ kế toán được ghi chép, hạch toán, luân chuyển và lưu trữ đầy đủ đúng theo quy định hiện hành của nhà nước và của Công ty.

Tình hình tài chính đều nằm trong sự kiểm soát của Công ty. Các khoản công nợ đều là nợ luân chuyển.

Việc trích khấu hao tài sản cố định được duy trì đều đặn. Tình hình tài chính của Công ty hoạt động tốt.

IV. Những kiến nghị của Ban kiểm soát:

Với tình hình thị trường dự báo sẽ có nhiều khó khăn đối với các đơn hàng xuất khẩu vào thị trường Mỹ, Chính sách thuế đối ứng của Hoa Kỳ, cùng với sự giám sát chặt chẽ về xuất xứ hàng hóa, tiêu chuẩn lao động và chống bán phá giá....., để duy trì lợi thế cạnh tranh Công ty cần tập trung triển khai các hoạt động chiến lược, nhằm đa dạng hóa thị trường, sản phẩm và chuỗi cung ứng; nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của hàng hóa, dịch vụ và sẵn sàng thích nghi với diễn biến tình hình kinh tế trong thời gian tới.

Để nâng cao năng suất lao động và đảm bảo chất lượng sản phẩm. Công ty cần có chính sách giữ chân người lao động có tay nghề cao, ưu tiên người lao động có sáng kiến cải tiến kỹ thuật phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

Tìm kiếm khách hàng mới, chủ động nhiều nguồn hàng, đa dạng sản phẩm để công ty phát triển bền vững, hoàn thành các mục tiêu kế hoạch năm 2026 đề ra.

Trên đây là toàn bộ báo cáo đánh giá thẩm định báo cáo tài chính năm 2025 của Ban Kiểm Soát.

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Dương Thanh Tùng



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NVA
54/3 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa
Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : 028 3910 3908
Website : nva.com.vn

ĐỊA CHỈ GIAO DỊCH
26 Nguyễn Huy Tự, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : 028 3910 4881/3820 6881
Fax : 028 3820 6881

Số: 05-2/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc
Công ty Cổ phần May Hữu Nghị

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần May Hữu Nghị được lập ngày 10 tháng 02 năm 2026, từ trang 5 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

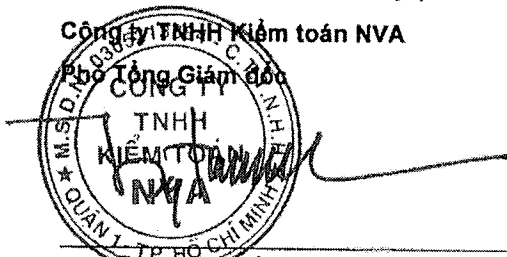
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May Hữu Nghị tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán và kiểm toán viên khác với ý kiến chấp nhận toàn phần theo báo cáo kiểm toán độc lập số 1807.01.2/2024/BCTC-NTV2 ngày 08 tháng 03 năm 2025.

Công ty TNHH Kiểm toán NVA



Nguyễn Ngọc Tuấn
Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2837-2024-152-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Hoàng Hồ Nam
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4308-2023-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2026

T.N.H.H.
H.N.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		624.387.760.545	620.029.094.940
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	335.399.301.943	323.365.091.248
1. Tiền	111		183.399.301.943	131.465.091.248
2. Các khoản tương đương tiền	112		152.000.000.000	191.900.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		189.939.711.138	197.592.954.462
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	160.454.015.272	179.303.686.240
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.939.108.303	324.708.326
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	27.546.587.563	17.964.559.896
III. Hàng tồn kho	140	V.5	54.572.964.061	64.717.891.381
1. Hàng tồn kho	141		54.572.964.061	64.717.891.381
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		44.475.783.403	34.353.157.849
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		44.386.259.560	34.263.634.006
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	89.523.843	89.523.843
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		203.640.994.088	138.696.632.655
I. Tài sản cố định	220		174.786.641.045	94.334.203.211
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	166.326.677.715	85.545.807.068
- Nguyên giá	222		468.201.779.639	360.765.201.041
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(301.875.101.924)	(275.219.393.973)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	8.459.963.330	8.788.396.143
- Nguyên giá	228		11.368.644.950	11.368.644.950
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.908.681.620)	(2.580.248.807)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		23.347.158.477	40.917.859.217
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	23.347.158.477	40.917.859.217
III. Tài sản dài hạn khác	260		5.507.194.566	3.444.570.227
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	5.507.194.566	3.444.570.227
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		828.028.754.633	758.725.727.595

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		300.710.363.053	276.668.317.005
I. Nợ ngắn hạn	310		300.710.363.053	276.668.317.005
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	75.618.297.280	38.758.463.516
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	37.157.319.787	38.144.509.114
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	20.301.972.641	21.509.863.759
4. Phải trả người lao động	314		114.151.052.857	133.918.441.265
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	1.200.630.679	1.115.817.599
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		52.281.089.809	43.221.221.752
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		527.318.391.580	482.057.410.590
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	527.318.391.580	482.057.410.590
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		237.789.000.000	237.789.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		237.789.000.000	237.789.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415		(11.000.000)	(11.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		165.869.028.795	108.439.361.400
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		123.671.362.785	135.840.049.190
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		29.936.178.621	29.936.178.621
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		93.735.184.164	105.903.870.569
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		828.028.754.633	758.725.727.595

Người lập/ Kế toán trưởng

Vũ Thị Ngát

Tổng Giám Đốc



Hà Văn Duyệt

Ngày 10 tháng 02 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ
Số 636 - 638 Nguyễn Duy, Phường Phú Định,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2025

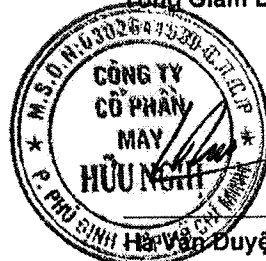
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		980.292.288.149	1.182.125.636.807
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	980.292.288.149	1.182.125.636.807
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	806.980.419.397	983.757.880.202
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		173.311.868.752	198.367.756.605
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	21.253.363.750	26.176.202.508
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.479.787.379	11.772.024.033
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		19.330.781	157.910.181
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	14.248.642.025	22.778.871.746
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	57.470.748.324	58.960.473.255
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		118.366.054.774	131.032.590.079
11. Thu nhập khác	31	VI.7	668.158.644	3.125.240.876
12. Chi phí khác	32	VI.8	462.867.396	415.638.380
13. Lợi nhuận khác	40		205.291.248	2.709.602.496
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		118.571.346.022	133.742.192.575
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	24.836.161.858	27.838.322.006
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		93.735.184.164	105.903.870.569
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	3.547	3.915

Người lập/ Kế toán trưởng

Vũ Thị Ngát

Tổng Giám Đốc



Ngày 10 tháng 02 năm 2026

213
DN
TN
M
VN
P.1

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025

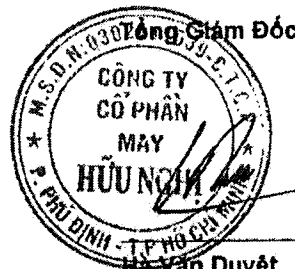
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2025	Năm 2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	118.571.346.022	133.742.192.575
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	27.107.538.888	24.061.957.857
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.697.039.402	(1.510.940.092)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.727.425.029)	(4.004.604.889)
- Chi phí lãi vay	06	19.330.781	157.910.181
3. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	141.667.830.064	152.446.515.632
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(3.826.566.394)	(41.665.096.932)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	10.144.927.320	8.478.587.235
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	16.592.082.762	40.576.307.386
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.062.624.339)	2.703.829.495
- Tiền lãi vay đã trả	14	(19.330.781)	(157.910.181)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(26.438.322.006)	(21.078.430.706)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.747.635.117)	(8.536.567.182)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	132.310.361.509	132.767.234.747
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(89.989.275.982)	(36.543.018.495)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	10.909.091	233.863.636
3. Tiền thu lãi cho vay	27	5.716.515.938	3.770.741.253
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(84.261.850.953)	(32.538.413.606)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	13.224.721.545	26.313.824.311
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(13.224.721.545)	(26.313.824.311)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(35.666.700.000)	(35.666.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(35.666.700.000)	(35.666.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	12.381.810.556	64.562.121.141
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	323.365.091.248	257.963.398.852
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(347.599.861)	839.571.255
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	335.399.301.943	323.365.091.248

Người lập/ Kế toán trưởng

(Handwritten signature)

Vũ Thị Ngát



Hà Văn Duyệt

Ngày 10 tháng 02 năm 2026

H
/C
TY
H
DÁN
/C
CHI